TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** ---------- Số: 90/2017/ QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *G, ngày 18 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 98/2017/TLST/HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị C,** sinh năm 1958

Trú tại: Thôn L, xã G, huyện G, tỉnh N

và Bị đơn: Anh **Trần Ngọc T**, sinh năm 1960

Trú tại: Thôn L, xã G, huyện G, tỉnh N

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình
- Căn cứ Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự đ- ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. **Công nhận thuận tình ly hôn giữa:**

Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị C,** sinh năm 1958

Trú tại: Thôn L, xã G, huyện G, tỉnh N

và Bị đơn: Anh **Trần Ngọc T**, sinh năm 1960

Trú tại: Thôn L, xã G, huyện G, tỉnh N

2. Công nhận sự thoả thuận của chị Đinh Thị C và anh Trần Ngọc T về các vấn đề khác cụ thể nh- sau:

2.1: Về quan hệ con chung: Chị Đinh Thị C và anh Trần Ngọc T cùng xác nhận vợ chồng có một con chung. Cháu là Trần Ngọc Tuyết C, sinh ngày 26/11/1999. Hiện nay cháu đã lớn, trưởng thành tự lập được cuộc sống. Chị Đinh Thị C và anh Trần Ngọc T đều không yêu cầu tòa án giải quyết. Nên Tòa án không xem xét giải quyết về vấn đề con chung.

2.2 Về tài sản và công nợ chung: Chị Đinh Thị C và anh Trần Ngọc T đều không yêu cầu Toà án giải quyết, vì vậy vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Toà án không xem xét giải quyết.

2.3 Về án phí: Chị Đinh Thị C phải nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn. Được khấu trừ 150.000 đồng và trả lại chị Đinh Thị C 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số AA/2010/04084 ngày 26/10/2017.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ- ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND huyện G;*
- *Chi cục Thi hành án DS huyện G*
- *Các đ- ơng sự;*
- *UBND xã G;*
- *L- u hồ sơ.*

THẨM PHÁN
(đã ký)

Hà Thiện Thành